TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 30-5-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa* phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc An**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trịnh Sâm Châu**
2. Bà **Lý Thị Bạch Tuyết**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoài Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 710/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1).

Địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A A, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nông Văn T, sinh năm 1994.

2/ Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1995.

3/ Bà Hồ Thị N, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Hoàng Thanh L, sinh năm 1977.

Bà Phạm Thị Thu L1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N có mặt, ông T, ông M, ông L, bà L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V1) do bà Hồ Thị N trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V1) đã ký với ông Hoàng Thanh L và bà Phạm Thị Thu L1 các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 1397894.20 ngày 01/09/2020:

- Số tiền giải ngân: 780.000.000 đồng (Bằng chữ: bảy trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu : Toyota; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 04/09/2020 đến ngày 03/09/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,2%/năm; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 18, mỗi tháng trả 8.125.000 đồng. Tháng cuối trả phần còn lại. Trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 18, ngày trả lãi đầu tiên 18/09/2020; Trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho ông Hoàng Thanh L và bà Phạm Thị Thu L1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7096797.20 ký ngày 03/09/2020 với số tiền 780.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

* Số tài khoản thẻ 000000000371526, hạn mức 780.000.000 đồng; lãi suất; phí: theo Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Thanh L và bà Phạm Thị Thu L1 chỉ thanh toán: 439.037.996 đồng, đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 07/03/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà L1 phải thanh toán số tiền vay tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 919.542.588 đồng (chín trăm mười chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó, nợ gốc: 592.875.347, nợ lãi: 326.667.241 đồng.

VIB được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi ông L và bà L1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký (Chi tiết tại Hợp đồng tín dụng số 1397894.20 ngày 01/09/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7096797.20 ngày 03/09/2020 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10/11/2020).

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp trong vụ án này.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bị đơn ông Hoàng Thanh L và bà Phạm Thị Thu L1 vắng mặt không có ý kiến.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 (bản chính); Giấy ủy quyền số 117738.24 ngày 17/6/2024; Hợp đồng tín dụng số 1397894.20 ngày 01/9/2020 kèm điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10/11/2020; CCCD, CMND, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn ông L, bà L1; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy ủy quyền số 064326.24 ngày 01/4/2024; CCCD bà H; Quyết định số 064308.24 ngày 01/4/2024; Quyết định số 107821.22 ngày 22/10/2022; Điều lệ; Giấy ủy quyền số 237246.24 ngày 29/10/2024; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại ngày 13/8/2024; Bản tự khai ngày 06/12/2024, 02 bản tự khai ngày 18/3/2025, bản tự khai ngày 25/4/2025; 02 Bảng tính lãi KH Hoàng Thanh L tính đến ngày 18/3/2025; 02 Bảng tính lãi KH Hoàng Thanh L tính đến ngày 25/4/2025; Biên bản xác minh tại Công an xã B, huyện L ngày 27/02/2025; Bản tự khai ngày 30/5/2025; 02 Bảng tính lãi KH Hoàng Thanh L tính đến ngày 30/5/2025.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà L1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 07/3/2023.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà L1 phải thanh toán số tiền vay tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 919.542.588 đồng (chín trăm mười chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó, nợ gốc: 592.875.347, nợ lãi: 326.667.241 đồng. Kể từ ngày 31/5/2025, ông L, bà L1 phải thanh toán lãi phát sinh đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Phía bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ niêm yết công khai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Căn cứ theo Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn: Buộc ông L, bà L1 trả số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 919.542.588 đồng (chín trăm mười chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó, nợ gốc: 592.875.347 đồng, nợ lãi: 326.667.241 đồng. Kể từ ngày 31/5/2025, ông L, bà L1 phải thanh toán lãi phát sinh đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Đối với tài sản thế chấp, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

Về án phí: Bà L1, ông L chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Hoàng Thanh L, bà Phạm Thị Thu L1 nhưng ông L, bà L1 vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L, bà L1.

[2] Về nội dung:

Xét theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7096797.20 ký ngày 03/9/2020 với số tiền 780.000.000 đồng và Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng với số tiền 780.000.000 đồng giữa ông Hoàng Thanh L, bà Phạm Thị Thu L1 và Ngân hàng TMCP Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7096797.20 ký ngày 03/9/2020, Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

Ông L, bà L1 đăng ký mở thẻ tín dụng và sử dụng, ký hợp đồng tín dụng cùng hợp đồng thế chấp. Các nội dung này đã được Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận ký kết, giải thích việc sử dụng và thanh toán, các khoản phí vượt hạn mức, phạt lãi để hiểu và sử dụng cũng như chịu trách nhiệm thanh toán, ông L, bà L1 chỉ thanh toán một phần và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc mời bị đơn ông L, bà L1 lên làm việc, tiến hành xác minh, liên hệ trực tiếp tại địa phương nhưng không làm việc được với ông L, bà L1; thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng phía bị đơn ông L, bà L1 vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông L, bà L1 thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng đã ký. Ông L, bà L1 phải thanh toán 919.542.588 đồng (chín trăm mười chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó, nợ gốc: 592.875.347 đồng, nợ lãi: 326.667.241 đồng.

Ông L, bà L1 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7096797.20 ký ngày 03/9/2020 và theo Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V1, đã ký với Ngân hàng TMCP Q kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đối với tài sản thế chấp, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà L1 phải chịu 39.586.278 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.759.800 đồng theo biên lai số 0016708 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 100, Điều 103 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Hoàng Thanh L, bà Phạm Thị Thu L1.

Buộc ông Hoàng Thanh L, bà Phạm Thị Thu L1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/5/2025 là 919.542.588 đồng (chín trăm mười chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó, nợ gốc: 592.875.347 đồng, nợ lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí): 326.667.241 đồng.

Ông Hoàng Thanh L, bà Phạm Thị Thu L1 phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7096797.20 ký ngày 03/9/2020 và theo Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của V1 kể từ ngày 31/5/2025 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Thanh L, bà Phạm Thị Thu L1 phải chịu 39.586.278 đồng (ba mươi chín triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.759.800 đồng theo biên lai số 0016708 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An